

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **03** /2014/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày **26** tháng **5** năm 2014

THÔNG TƯ
hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động
của hợp tác xã

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã;

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 09/2012/TT-BKHĐT ngày 6 tháng 12 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về việc xây dựng, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Hợp tác xã;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã và chế độ báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Thông tư này hướng dẫn về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và chế độ báo cáo về tình hình hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã) theo quy định tại Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

Đối tượng áp dụng của Thông tư này được thực hiện theo Điều 2 của Luật Hợp tác xã.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã* là văn bản viết hoặc bản điện tử mà cơ quan đăng ký hợp tác xã ghi lại những thông tin về đăng ký hợp tác xã, đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã được hợp tác xã đăng ký.

2. *Hồ sơ hợp lệ* là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ theo quy định của pháp luật và được kê khai đầy đủ.

3. *Bản sao hợp lệ* là những giấy tờ đã được chứng thực hoặc sao y bản chính bởi cơ quan, tổ chức có thẩm quyền.

4. *Địa điểm kinh doanh* là nơi tiến hành các hoạt động kinh doanh của hợp tác xã.

Điều 3. Cơ quan đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân đăng ký tại Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư nơi liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

2. Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã đăng ký tại Phòng Tài chính – Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi hợp tác xã đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Điều 4. Ủy quyền thực hiện đăng ký hợp tác xã

Trường hợp người thành lập hợp tác xã, hợp tác xã ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác nộp hồ sơ đăng ký hợp tác xã, nhận kết quả giải quyết thủ tục đăng ký hợp tác xã thì phải có giấy tờ sau:

1. Hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa người thành lập hợp tác xã, hợp tác xã và tổ chức làm dịch vụ nộp hồ sơ, nhận kết quả và giấy giới thiệu của tổ chức đó cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả; hoặc

2. Văn bản ủy quyền cho cá nhân thực hiện nộp hồ sơ, nhận kết quả theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Ngành, nghề kinh doanh

1. Việc mã hóa ngành, nghề đăng ký kinh doanh trong giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã chỉ có ý nghĩa trong công tác thống kê. Việc ghi ngành, nghề kinh doanh trong đăng ký hợp tác xã thực hiện theo quy định tại Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23/01/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam và Quyết định số 337/2007/QĐ-BKH ngày 10/4/2007 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành Quy định nội dung Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam.

Căn cứ vào Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam, hợp tác xã tự lựa chọn ngành, nghề kinh doanh cấp 4 và ghi mã ngành, nghề kinh doanh vào giấy đề nghị đăng ký hợp tác xã. Cơ quan đăng ký hợp tác xã đối chiếu và ghi ngành, nghề kinh doanh, mã số ngành, nghề kinh doanh vào giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

2. Đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh trong giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

3. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam nhưng được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì ngành, nghề kinh doanh trong giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được ghi theo ngành, nghề quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật đó.

4. Đối với những ngành, nghề kinh doanh không có trong Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam và chưa được quy định tại các văn bản pháp luật khác thì cơ quan đăng ký hợp tác xã xem xét ghi ngành, nghề kinh doanh này vào giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nếu không thuộc ngành, nghề cấm kinh doanh, đồng thời báo cáo cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng Cục thống kê) để xem xét bổ sung mã mới.

Chương II

ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Điều 6. Tiếp nhận, xử lý hồ sơ

1. Khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký hợp tác xã:

a) Yêu cầu người đến làm thủ tục nộp bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực.

Trường hợp được ủy quyền thì yêu cầu nộp thêm các giấy tờ quy định tại Điều 4 Thông tư này.

b) Nếu hồ sơ hợp lệ thì cơ quan đăng ký hợp tác xã ghi giấy biên nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục II-1 và trao cho người nộp hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì cơ quan đăng ký hợp tác xã yêu cầu người đến làm thủ tục bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

c) Cơ quan đăng ký hợp tác xã không được yêu cầu hợp tác xã nộp thêm bất kỳ giấy tờ nào khác ngoài các giấy tờ được pháp luật quy định. Hợp tác xã phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực về những nội dung đã kê khai trong hồ sơ.

2. Cơ quan đăng ký hợp tác xã thực hiện việc xử lý hồ sơ trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

Điều 7. Đăng ký thành lập hợp tác xã

1. Khi thành lập hợp tác xã, hợp tác xã gửi tới cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở chính 01 bộ hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã, gồm:

- a) Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-1;
- b) Điều lệ của hợp tác xã được xây dựng theo Điều 21 Luật Hợp tác xã;
- c) Phương án sản xuất kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I-2;
- d) Danh sách thành viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I-3;
- đ) Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên theo mẫu quy định tại Phụ lục I-4;
- e) Nghị quyết của hội nghị thành lập về những nội dung quy định tại Khoản 3 Điều 20 Luật Hợp tác xã đã được biểu quyết thông qua.

2. Nếu hợp tác xã đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Điều 24 Luật Hợp tác xã thì cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.

Hợp tác xã có tư cách pháp nhân, có quyền hoạt động theo nội dung trong giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng

ký hợp tác xã. Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký, hợp tác xã được khắc dấu và có quyền sử dụng con dấu của mình.

Trường hợp không cấp giấy chứng nhận đăng ký thì cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

Điều 8. Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

1. Khi thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã gửi tới cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh 01 bộ hồ sơ đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, gồm:

a) Thông báo về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I-5;

b) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã;

c) Nghị quyết của đại hội thành viên về việc mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;

d) Quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc cử người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

đ) Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh;

e) Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số cá nhân theo quy định đối với chi nhánh hợp tác xã kinh doanh các ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

2. Nếu ngành, nghề, nội dung hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phù hợp với ngành, nghề hoạt động của hợp tác xã thì cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, đồng thời bổ sung vào hồ sơ đăng ký hợp tác xã.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã được khắc dấu và có quyền sử dụng con dấu của mình.

Trường hợp không cấp giấy chứng nhận đăng ký thì cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

3. Trường hợp hợp tác xã lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh tại huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính thì trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục I-6 tới cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký hợp tác xã. Kèm theo thông báo là bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

4. Trường hợp lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài thì hợp tác xã phải thực hiện theo quy định pháp luật của nước đó.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp giấy chứng nhận mở chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục I-6 tới cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký hợp tác xã. Kèm theo thông báo là bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

Điều 9. Mẫu giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh

1. Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục II-3; giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục II-4; giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục II-5; giấy chứng nhận địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục II-6.

2. Mẫu giấy in giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã thống nhất với mẫu giấy in giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp.

Mẫu bì của giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã có nền màu đỏ, chữ màu vàng và có nội dung được quy định theo Phụ lục III-3.

3. Mẫu bì của giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã chỉ áp dụng đối với các trường hợp thành lập mới hoặc thay đổi nội dung đăng ký sau khi Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 10. Ghi số giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

1. Ghi số giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã được tiến hành như sau:

a) Cơ quan đăng ký hợp tác xã ghi số trên giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo cấu trúc sau:

- Mã cấp tỉnh: 02 ký tự, theo Phụ lục III-2 kèm theo Thông tư này;
- Mã cấp huyện: 02 ký tự, theo Phụ lục III-2 kèm theo Thông tư này;
- Mã số hình thức tổ chức: 0 là trụ sở chính, 1 là chi nhánh, 2 là văn phòng đại diện; 3 là địa điểm kinh doanh;
- Mã loại hình: 01 ký tự, 7 = hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;
- Số thứ tự hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh: 06 ký tự, từ 000001 đến 999999.

Liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân đăng ký ở cơ quan đăng ký cấp tỉnh thì không ghi mã cấp huyện.

b) Các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh được thành lập mới sau ngày ban hành Thông tư này được chèn số thứ tự tiếp theo.

c) Trường hợp tách quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh sau ngày ban hành Thông tư này, đơn vị bị tách giữ nguyên số thứ tự cũ và đơn vị được tách được chèn số thứ tự tiếp theo.

d) Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư mã mới của cấp huyện được thành lập mới.

2. Ví dụ về ghi số giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh như sau:

a) Liên hiệp hợp tác xã có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội, đăng ký tại cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp tỉnh có số Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã là: 0107000002 (Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã cấp cho liên hiệp hợp tác xã thứ 2 có trụ sở chính tại thành phố Hà Nội, do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp);

b) Hợp tác xã có trụ sở chính tại quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, đăng ký tại cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp huyện có số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã là: 010107000003 (Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp cho hợp tác xã thứ 3 có trụ sở chính tại quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, do Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Ba Đình cấp);

c) Liên hiệp hợp tác xã có trụ sở chính tại thành phố Đà Nẵng, chi nhánh đặt tại thành phố Hồ Chí Minh của liên hiệp hợp tác xã có số Giấy chứng nhận đăng ký của chi nhánh là: 4117000004 (Giấy chứng nhận đăng ký cấp cho chi nhánh thứ 4 của liên hiệp hợp tác xã đặt tại thành phố Hồ Chí Minh do Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp);

d) Hợp tác xã có trụ sở chính tại thành phố Cần Thơ, văn phòng đại diện của hợp tác xã đặt tại quận Ba Đình, thành phố Hà Nội có số Giấy chứng nhận đăng ký của văn phòng đại diện là: 010127000005 (Giấy chứng nhận đăng ký cấp cho văn phòng đại diện thứ 5 của hợp tác xã đặt tại quận Ba Đình, thành phố Hà Nội do Phòng Tài chính – Kế hoạch quận Ba Đình cấp).

3. Việc ghi số giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã chỉ áp dụng đối với các trường hợp thành lập mới hoặc thay đổi nội dung đăng ký sau khi Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 11. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

1. Khi thay đổi một hoặc một số nội dung về tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện thì hợp tác xã phải đăng ký với cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới.

Hợp tác xã nộp 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-7;

b) Nghị quyết của hội đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký hợp tác xã thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã và cấp giấy chứng nhận đăng ký mới cho hợp tác xã. Khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới, hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp trước đó.

Nếu không thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã thì cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

2. Trường hợp thay đổi địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã sang huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đã đăng ký thì hợp tác xã đăng ký thay đổi tại cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã dự định đặt trụ sở mới.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký mới cho hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở mới phải gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đã cấp mới cho hợp tác xã đến cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi trước đây hợp tác xã đăng ký trụ sở cũ.

Hợp tác xã thực hiện các thủ tục với cơ quan thuế liên quan đến việc chuyển địa điểm theo quy định của pháp luật về thuế.

3. Trường hợp thay đổi người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã do người đại diện theo pháp luật bị chết hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì trưởng ban kiểm soát của hợp tác xã ký, ghi họ tên trong giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

4. Trường hợp cùng một thời điểm thay đổi nhiều nội dung, cơ quan đăng ký hợp tác xã thực hiện đăng ký một lần những thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã.

Điều 12. Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

1. Khi thay đổi một hoặc một số nội dung về tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, nội dung hoạt động, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã thì hợp tác xã phải đăng ký với cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh để được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới.

Hợp tác xã nộp 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Giấy đề nghị thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-8;

b) Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo quy định của Luật Hợp tác xã;

c) Bản sao hợp lệ giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đối với trường hợp thay đổi người đại diện;

d) Bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số cá nhân đối với việc thay đổi ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của chi nhánh hợp tác xã mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký hợp tác xã thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã và cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới cho hợp tác xã. Khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới, hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp trước đó.

Nếu không thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký của hợp tác xã thì cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

2. Trường hợp thay đổi địa chỉ chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã sang huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đã đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh thì hợp tác xã

đăng ký thay đổi tại cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã dự định đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới cho hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới phải gửi bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã cấp mới cho hợp tác xã đến cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi trước đây hợp tác xã đã đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

3. Trường hợp đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã ở nước ngoài thì hợp tác xã phải thực hiện theo quy định pháp luật của nước đó.

4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới, hợp tác xã phải:

a) Thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã đối với các trường hợp thay đổi tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã tại cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để được cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

b) Thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-9 đối với các trường hợp thay đổi ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của chi nhánh; nội dung hoạt động của văn phòng đại diện; tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, người đại diện của địa điểm kinh doanh tới cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký hợp tác xã trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có trụ sở khác với huyện hoặc tỉnh, thành phố với trụ sở chính của hợp tác xã.

Kèm theo thông báo là bản sao giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

Điều 13. Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi nội dung điều lệ, số lượng thành viên, thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát

viên thì hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục I-9 đến cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

Kèm theo thông báo là nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi.

2. Khi nhận thông báo, cơ quan đăng ký hợp tác xã trao giấy biên nhận và bổ sung vào hồ sơ đăng ký của hợp tác xã.

Điều 14. Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã

1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp thì hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục I-10 đến cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

Kèm theo thông báo phải có nghị quyết của đại hội thành viên về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã.

2. Khi nhận thông báo, cơ quan đăng ký hợp tác xã trao giấy biên nhận và bổ sung vào hồ sơ đăng ký của hợp tác xã.

Điều 15. Tạm ngừng hoạt động hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

1. Khi tạm ngừng hoạt động hợp tác xã, tạm ngừng hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, hợp tác xã gửi thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục I-11 đến cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh,

văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cho hợp tác xã ít nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi tạm ngừng hoạt động.

Kèm theo thông báo là nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc tạm ngừng hoạt động hợp tác xã, tạm ngừng hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

2. Khi nhận thông báo, cơ quan đăng ký hợp tác xã trao giấy biên nhận và lưu vào hồ sơ đăng ký của hợp tác xã để theo dõi.

3. Sau khi hết thời hạn đã thông báo, nếu vẫn tiếp tục tạm ngừng hoạt động thì hợp tác xã phải thông báo tiếp cho cơ quan đăng ký hợp tác xã. Tổng thời gian tạm ngừng hoạt động liên tiếp không được quá một năm.

Điều 16. Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

1. Khi chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã gửi thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục I-12 đến cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cho hợp tác xã.

Kèm theo thông báo là 01 bộ hồ sơ gồm:

a) Nghị quyết của đại hội thành viên về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;

b) Giấy xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ thuế trong trường hợp chấm dứt hoạt động của chi nhánh, địa điểm kinh doanh;

c) Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan đăng ký hợp tác xã ra xác nhận về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục II-7. Khi nhận giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

Nếu không thực hiện xác nhận về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã thì cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

2. Trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đặt tại huyện hoặc tỉnh, thành phố khác với nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính thì trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-6 cho cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký hợp tác xã. Kèm theo thông báo là bản sao giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

3. Trường hợp chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài thì hợp tác xã phải thực hiện theo quy định pháp luật của nước đó.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài xác nhận việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, hợp tác xã phải thông báo bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-6 cho cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính để bổ sung vào hồ sơ đăng ký hợp tác xã. Kèm theo thông báo là bản sao xác nhận về việc chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp.

Điều 17. Giải thể tự nguyện hợp tác xã

1. Trước khi thực hiện thủ tục đăng ký giải thể tự nguyện hợp tác xã, hợp tác xã phải làm thủ tục chấm dứt hoạt động của các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã tại cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi đã cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.

2. Khi giải thể tự nguyện, hợp tác xã gửi thông báo theo mẫu quy định tại Phụ lục số I-13 đến cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký cho hợp tác xã nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính.

Kèm theo thông báo là 01 bộ hồ sơ gồm:

- a) Nghị quyết của đại hội thành viên về việc giải thể hợp tác xã;
- b) Biên bản hoàn thành việc giải thể hợp tác xã;
- c) Giấy xác nhận của cơ quan thuế về việc đã hoàn thành nghĩa vụ thuế của hợp tác xã;
- d) Giấy xác nhận của cơ quan công an về việc hủy con dấu của hợp tác xã;
- đ) Giấy xác nhận của cơ quan đăng ký hợp tác xã về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã;
- e) Giấy biên nhận của cơ quan thông tin đại chúng về việc nhận đăng thông báo về việc giải thể hợp tác xã hoặc bản in 03 số báo liên tiếp đã đăng thông báo về việc giải thể hợp tác xã.

3. Trong vòng 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo, cơ quan đăng ký hợp tác xã ra xác nhận về việc giải thể của hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục II-8 và ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục II-10. Khi nhận giấy xác nhận về việc giải thể hợp tác xã và quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Nếu không thực hiện đăng ký giải thể cho hợp tác xã thì cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

Điều 18. Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

1. Khi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã bị mất hoặc bị hư hỏng, hợp tác xã gửi tới cơ quan đăng ký hợp tác xã nơi đã cấp giấy chứng nhận đăng ký giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-14, giấy đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo mẫu quy định tại Phụ lục I-15.

2. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận giấy đề nghị, cơ quan đăng ký hợp tác xã thực hiện việc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh mới cho hợp tác xã. Trong trường hợp giấy chứng nhận đăng ký bị hư hỏng, khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký mới, hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp trước đó.

Nếu không thực hiện việc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký cho hợp tác xã thì cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

3. Trường hợp giấy chứng nhận đăng ký được cấp không đúng hồ sơ, trình tự, thủ tục theo quy định, cơ quan đăng ký hợp tác xã gửi thông báo yêu cầu hợp tác xã hoàn chỉnh và nộp hồ sơ theo quy định trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo để được xem xét cấp lại giấy chứng nhận đăng ký.

4. Hợp tác xã đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành không bắt buộc phải thực hiện thủ tục đổi sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và sẽ được cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã khi đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

5. Trường hợp hợp tác xã có nhu cầu đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã nhưng không thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã nộp giấy đề nghị cấp đổi theo mẫu quy định tại Phụ lục I-17 kèm theo bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để được cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 5 ngày làm việc. Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã mới, hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký đã được cấp trước đó.

Điều 19. Thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

1. Trường hợp hợp tác xã giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, cơ quan đăng ký hợp tác xã ra thông báo và quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

2. Trường hợp cơ quan đăng ký hợp tác xã phát hiện nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã là không trung thực, không chính xác:

Nếu cơ quan đăng ký hợp tác xã phát hiện nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã là không trung thực, không chính xác thì ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã và ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Nếu cơ quan đăng ký hợp tác xã phát hiện nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã là không trung thực, không chính xác thì ra thông báo về hành vi vi phạm của hợp tác xã và hủy bỏ những thay đổi trong nội dung đăng ký được thực hiện trên cơ sở các thông tin không trung

thực, không chính xác và khôi phục lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã được cấp trên cơ sở hồ sơ hợp lệ gần nhất, đồng thời thông báo với cơ quan có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp hợp tác xã lợi dụng danh nghĩa hợp tác xã để hoạt động trái pháp luật; hoạt động trong các ngành, nghề mà pháp luật cấm; hoạt động trong ngành, nghề kinh doanh có điều kiện mà không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật; không đăng ký mã số thuế trong thời hạn 01 năm, kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký; chuyển trụ sở chính sang địa phương khác với nơi đăng ký trong thời hạn 01 năm mà không đăng ký, thì cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo bằng văn bản về hành vi vi phạm và yêu cầu người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã đến trụ sở của cơ quan đăng ký để giải trình. Sau mười ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong thông báo mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không phù hợp thì cơ quan đăng ký hợp tác xã ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

4. Trước khi ra thông báo về việc vi phạm của hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã và ban hành quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, trong trường hợp cần thiết, cơ quan đăng ký hợp tác xã có thể mời các cơ quan có liên quan như cơ quan thuế, ủy ban nhân dân cấp huyện, sở quản lý ngành,... tham dự cuộc họp liên ngành để xác định hành vi vi phạm của hợp tác xã.

Điều 20. Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã

1. Khi thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã phải gửi tới cơ quan đã cấp giấy chứng nhận đăng ký cho hợp tác xã 01 bộ hồ sơ, gồm:

a) Giấy đề nghị thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-16;

b) Nghị quyết của đại hội thành viên hoặc quyết định bằng văn bản của hội đồng quản trị về việc thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã.

2. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ về việc đăng ký thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã, cơ quan đăng ký hợp tác xã đã cấp giấy chứng nhận đăng ký cho hợp tác xã bàn giao đầy đủ bộ hồ sơ đăng ký cho hợp tác xã và lưu giữ một bản sao bộ hồ sơ đó tại cơ quan đăng ký hợp tác xã. Khi bàn giao hồ sơ cho hợp tác xã, phải có giấy biên nhận có chữ ký của người

trao, người nhận hồ sơ; toàn bộ hồ sơ được niêm phong và được giao cho người nhận.

Trường hợp không bàn giao bộ hồ sơ đăng ký hợp tác xã cho hợp tác xã thì cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã phải tiến hành đăng ký thay đổi nơi đăng ký hợp tác xã tại cơ quan đăng ký hợp tác xã mới. Hợp tác xã phải nộp cho cơ quan đăng ký hợp tác xã mới bộ hồ sơ đã được cơ quan đăng ký hợp tác xã cũ bàn giao kèm theo các giấy tờ quy định tại Khoản 1 Điều này.

Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký hợp tác xã thực hiện việc thay đổi và cấp giấy chứng nhận đăng ký mới cho hợp tác xã. Khi nhận giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã mới, hợp tác xã phải nộp lại bản gốc giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã đã được cấp trước đó.

Trường hợp không cấp giấy chứng nhận đăng ký cho hợp tác xã thì cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho hợp tác xã biết.

Điều 21. Đăng ký hợp tác xã đối với hợp tác xã được thành lập trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, sáp nhập

1. Hợp tác xã mới được thành lập trên cơ sở chia, được tách, hợp nhất tiến hành thủ tục thành lập tương tự như đối với đăng ký thành lập mới hợp tác xã. Hồ sơ đăng ký phải kèm theo nghị quyết của đại hội thành viên về việc chia, tách, hợp nhất hợp tác xã.

2. Hợp tác xã thành lập trên cơ sở sáp nhập, hợp tác xã bị tách thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã.

Điều 22. Quy định về việc đặt tên trùng hoặc gây nhầm lẫn

Cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp huyện có trách nhiệm rà soát, chống đặt tên trùng hoặc gây nhầm lẫn của các hợp tác xã trong phạm vi huyện. Cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp tỉnh có trách nhiệm rà soát, chống đặt tên trùng hoặc gây nhầm lẫn của các liên hiệp hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân trong phạm vi tỉnh.

Điều 23. Quyền khiếu nại của hợp tác xã

Hợp tác xã có quyền khiếu nại tới cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật hiện hành trong trường hợp không được cấp giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc không được đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã mà không có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ của cơ quan đăng ký hợp tác xã.

Chương III

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA HỢP TÁC XÃ

Điều 24. Chế độ thông tin báo cáo của cơ quan đăng ký hợp tác xã

1. Định kỳ vào tuần thứ nhất của tháng cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp huyện tổng hợp, báo cáo kết quả đăng ký hợp tác xã của tháng trước trên địa bàn huyện theo mẫu quy định tại Phụ lục II-11 gửi cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp tỉnh.

2. Định kỳ vào tuần thứ nhất của quý, cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp tỉnh báo cáo tổng hợp kết quả đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã của quý trước trên địa bàn tỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục II-12 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

3. Việc đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử và việc cung cấp thông tin về hợp tác xã trong hệ thống thông tin của cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ được thực hiện theo lộ trình xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về hợp tác xã.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về hợp tác xã, hướng dẫn việc chuyển đổi dữ liệu hợp tác xã để phục vụ công tác thông tin, quản lý thông tin về hợp tác xã và đăng ký hợp tác xã qua mạng điện tử.

Điều 25. Chế độ báo cáo về tình hình hoạt động của hợp tác xã

1. Chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 hàng năm, hợp tác xã báo cáo trung thực, đầy đủ, chính xác bằng văn bản tình hình hoạt động của hợp tác xã của năm trước đó với cơ quan đăng ký hợp tác xã theo mẫu quy định tại Phụ lục I-18.

2. Chậm nhất vào ngày 28 tháng 02 hàng năm, cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp huyện tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã của năm trước đó trên địa bàn huyện theo mẫu quy định tại Phụ lục II-13 gửi cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp tỉnh.

3. Chậm nhất vào ngày 31 tháng 03 hàng năm, cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp tỉnh tổng hợp, báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác

xã của năm trước đó trên địa bàn tỉnh theo mẫu quy định tại Phụ lục II-14 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp tỉnh, cấp huyện tổng hợp, gửi các cơ quan có liên quan cùng cấp.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2014 và thay thế Thông tư số 05/2005/TT-BKH ngày 15 tháng 12 năm 2005 hướng dẫn một số quy định tại Nghị định số 87/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh hợp tác xã.

Điều 27. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung. / 2

Nơi nhận :

- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Trang điện tử Chính phủ, trang điện tử Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Công báo;
- Lưu: Văn thư, HTX (3b).

5112



Bùi Quang Vinh



DANH MỤC CÁC MẪU TỜ KHAI SỬ DỤNG TRONG ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Kèm theo Thông tư số **03** /2014/TT-BKHĐT ngày **26** / **5**/2014
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

STT	Danh mục	Ký hiệu
Mẫu văn bản quy định cho hợp tác xã		
1	Giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã	Phụ lục I-1
2	Phương án sản xuất kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục I-2
3	Danh sách thành viên hợp tác xã	Phụ lục I-3
4	Danh sách hội đồng quản trị, giám đốc (tổng giám đốc), ban kiểm soát, kiểm soát viên hợp tác xã	Phụ lục I-4
5	Thông báo về việc đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục I-5
6	Thông báo về việc lập/chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục I-6
7	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	Phụ lục I-7
8	Giấy đề nghị đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục I-8
9	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã	Phụ lục I-9
10	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	Phụ lục I-10
11	Thông báo về việc tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã/tạm ngừng hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục I-11
12	Thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục I-12
13	Thông báo về việc giải thể hợp tác xã	Phụ lục I-13
14	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Phụ lục I-14
15	Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục I-15
16	Giấy đề nghị thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	Phụ lục I-16
17	Giấy đề nghị cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Phụ lục I-17
18	Báo cáo về tình hình hoạt động của hợp tác xã năm	Phụ lục I-18
Mẫu văn bản quy định cho Cơ quan đăng ký hợp tác xã		
19	Giấy biên nhận	Phụ lục II-1
20	Thông báo về việc ...	Phụ lục II-2
21	Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Phụ lục II-3
22	Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh của hợp tác xã	Phụ lục II-4
23	Giấy chứng nhận đăng ký văn phòng đại diện của hợp tác xã	Phụ lục II-5
24	Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục II-6

STT	Danh mục	Ký hiệu
25	Giấy xác nhận về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục II-7
26	Giấy xác nhận về việc giải thể hợp tác xã	Phụ lục II-8
27	Thông báo về việc hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Phụ lục II-9
28	Quyết định về việc thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã	Phụ lục II-10
29	Báo cáo tình hình đăng ký hợp tác xã	Phụ lục II-11
30	Báo cáo tình hình đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Phụ lục II-12
31	Báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã năm...	Phụ lục II-13
32	Báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã năm...	Phụ lục II-14
Phụ lục khác		
33	Danh mục chữ cái sử dụng trong đặt tên hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục III-1
34	Mã cấp tỉnh, cấp huyện sử dụng trong đăng ký hợp tác xã	Phụ lục III-2
35	Mẫu bìa giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	Phụ lục III-3
36	Hướng dẫn về (font) chữ, cỡ chữ, kiểu chữ sử dụng trong các mẫu giấy	Phụ lục III-4

CÁCH GHI ĐỐI VỚI CÁC MẪU GIẤY

1. Đối với đăng ký liên hiệp hợp tác xã thì trong các mẫu ghi liên hiệp hợp tác xã thay cho hợp tác xã và các cụm từ tương ứng.

2. Tên tiêu đề: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

a) Nếu là cấp tỉnh:

- Dòng trên ghi: SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương)

- Dòng dưới ghi: PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

b) Nếu là cấp huyện:

- Dòng trên ghi: ỦY BAN NHÂN DÂN (tên huyện, quận, thị, thành phố thuộc tỉnh);

- Dòng dưới ghi: PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH ₂

Phụ lục I-1
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ
Đăng ký thành lập hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tôi là (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Đăng ký thành lập hợp tác xã với các nội dung sau:**1. Tình trạng thành lập (đánh dấu X vào ô thích hợp)**

- Thành lập mới
- Thành lập trên cơ sở được tách hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở chia hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở hợp nhất hợp tác xã
- Thành lập trên cơ sở chuyển đổi

2. Tên hợp tác xã:

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):

Tên hợp tác xã viết tắt (*nếu có*):

3. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

4. Tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh (nếu có):

5. Tên, địa chỉ, người đại diện văn phòng đại diện (nếu có):

6. Tên, địa chỉ, người đại diện địa điểm kinh doanh (nếu có):

7. Ngành, nghề kinh doanh (ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

8. Vốn điều lệ:

Tổng số (bằng số; VND):

Trong đó:

- Tổng số vốn đã góp:
- Vốn góp tối thiểu của một thành viên theo vốn điều lệ:
- Vốn góp tối đa của một thành viên theo vốn điều lệ:

9. Số lượng thành viên:

10. Thông tin về các hợp tác xã bị chia, bị tách, bị hợp nhất, được chuyển đổi (chỉ kê khai trong trường hợp thành lập hợp tác xã trên cơ sở chia, tách, hợp nhất, chuyển đổi loại hình hợp tác xã):

a) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã :

b) Tên hợp tác xã (ghi bằng chữ in hoa):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã :

Tôi cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung giấy đề nghị đăng ký thành lập hợp tác xã trên.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA
HỢP TÁC XÃ**
(Ký và ghi họ tên)

Phụ lục I-2
PHƯƠNG ÁN SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ

PHẦN I. TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KHẢ NĂNG THAM GIA CỦA HỢP TÁC XÃ

- I. Tổng quan về tình hình thị trường
- II. Đánh giá khả năng tham gia thị trường của hợp tác xã
- III. Căn cứ pháp lý cho việc thành lập và hoạt động của hợp tác xã

PHẦN II. GIỚI THIỆU VỀ HỢP TÁC XÃ

- I. Giới thiệu tổng thể
 1. Tên hợp tác xã
 2. Địa chỉ trụ sở chính
 3. Vốn điều lệ
 4. Số lượng thành viên
 5. Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh
- II. Tổ chức bộ máy và giới thiệu chức năng nhiệm vụ tổ chức bộ máy của hợp tác xã

PHẦN III. PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

- I. Phân tích điểm mạnh, yếu, cơ hội phát triển và thách thức của hợp tác xã
- II. Phân tích cạnh tranh
- III. Mục tiêu và chiến lược phát triển của hợp tác xã
- IV. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã
 1. Nhu cầu về sản phẩm, dịch vụ hoặc việc làm của thành viên
 2. Dự kiến các chỉ tiêu sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã căn cứ vào hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm)
 3. Xác định các hoạt động sản xuất, kinh doanh nhằm đáp ứng hợp đồng dịch vụ với thành viên hoặc hợp đồng lao động đối với thành viên (đối với trường hợp hợp tác xã tạo việc làm)
- V. Kế hoạch Marketing

VI. Phương án đầu tư cơ sở vật chất, bố trí nhân lực và các điều kiện khác phục vụ sản xuất, kinh doanh

PHẦN IV. PHƯƠNG ÁN TÀI CHÍNH

I. Phương án huy động và sử dụng vốn

II. Phương án về doanh thu, chi phí, lợi nhuận trong 03 năm đầu

III. Phương án tài chính khác

PHẦN V. KẾT LUẬN

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....
-.....
-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên)

Phụ lục I-3

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỢP TÁC XÃ

I. THÀNH VIÊN LÀ CÁ NHÂN

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu	Vốn góp		Thời điểm góp vốn	Chữ ký của thành viên	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp ¹ (bằng số; VNĐ)	Tỷ lệ (%)			

II. THÀNH VIÊN LÀ PHÁP NHÂN

STT	Tên pháp nhân	Địa chỉ trụ sở chính	Số Giấy chứng nhận đăng ký (hoặc các giấy chứng nhận tương đương)	Vốn góp		Thời điểm góp vốn	Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của pháp nhân	Ghi chú
				Giá trị phần vốn góp ² (bằng số; VNĐ)	Tỷ lệ (%)			

....., ngày.....tháng.....năm.....
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)³

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

² Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.

³ Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

Phụ lục I-4
DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC (TỔNG GIÁM ĐỐC), BAN KIỂM SOÁT, KIỂM SOÁT VIÊN HỢP TÁC XÃ

STT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Quốc tịch	Dân tộc	Chỗ ở hiện tại	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số, ngày, cơ quan cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân	Vốn góp		Thời điểm góp vốn	Chức danh	Ghi chú
									Giá trị phần vốn góp (bằng số; VNĐ)	Tỷ lệ (%)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
A. Danh sách hội đồng quản trị													
1													
2													
B. Giám đốc (tổng giám đốc)													
C. Danh sách ban kiểm soát (kiểm soát viên)													
1													
2													

..... ngày..... tháng..... năm.....
DẠI DIỆN THEO PHÁP LƯẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ
 (Ký, ghi họ tên và đóng dấu)²

¹ Ghi tổng giá trị phần vốn góp của từng thành viên.
² Trường hợp thành lập mới thì không phải đóng dấu.

Phụ lục I-5**TÊN HỢP TÁC XÃ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO**Về việc đăng ký thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

**Đăng ký thành lập chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh với
các nội dung sau:****1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng
tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):**Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước
ngoài (*nếu có*):.....Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (*nếu có*): ..**2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:a) Ngành, nghề kinh doanh (*đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi
tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành

b) Nội dung hoạt động (*đối với văn phòng đại diện*):

4. Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Họ tên người đại diện (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Hợp tác xã cam kết:

- Trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật;

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

-.....

-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

TÊN HỢP TÁC XÃ

Số:

Phụ lục I-6**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO**Về việc lập/chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/
địa điểm kinh doanh**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

**Hợp tác xã đã lập/chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa
điểm kinh doanh sau:****1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng
chữ in hoa*):**Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước
ngoài (*nếu có*):Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt (*nếu có*): ..**2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:**

.....

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

**3. Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa
điểm kinh doanh**Do (*tên cơ quan đăng ký hợp tác xã cấp*): cấp ngày:...../...../.....**4. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt động:**a) Ngành, nghề kinh doanh (*đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi
tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành

b) Nội dung hoạt động (*đối với văn phòng đại diện*):

5. Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:Họ tên người đại diện (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

-.....

-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

TÊN HỢP TÁC XÃ

Số:

Phụ lục I-7
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã¹ như sau:

Nội dung đăng ký thay đổi	Đánh dấu
- Tên hợp tác xã	<input type="checkbox"/>
- Địa chỉ trụ sở chính	<input type="checkbox"/>
- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh	<input type="checkbox"/>
- Vốn điều lệ	<input type="checkbox"/>
- Người đại diện theo pháp luật	<input type="checkbox"/>
- Tên chi nhánh	<input type="checkbox"/>
- Địa chỉ chi nhánh	<input type="checkbox"/>
- Người đại diện chi nhánh	<input type="checkbox"/>
- Tên văn phòng đại diện	<input type="checkbox"/>
- Địa chỉ văn phòng đại diện	<input type="checkbox"/>
- Người đại diện văn phòng đại diện	<input type="checkbox"/>

¹ Hợp tác xã chọn và đánh dấu X vào nội dung dự định đăng ký thay đổi; lựa chọn và khai chi tiết nội dung đăng ký thay đổi vào các mẫu tương ứng từ trang I-7.2 đến trang I-7.12 theo yêu cầu của hợp tác xã.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN HỢP TÁC XÃ

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (*nếu có*):

.....
Tên hợp tác xã viết tắt dự kiến thay đổi (*nếu có*):.....
.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH**Địa chỉ trụ sở chính dự định chuyển đến:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Hợp tác xã cam kết trụ sở hợp tác xã thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Ghi ngành, nghề kinh doanh dự kiến sau khi bổ sung hoặc thay đổi (*ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật dự kiến:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn: .../...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI VỐN ĐIỀU LỆ

Vốn điều lệ đã đăng ký:

Vốn điều lệ dự kiến thay đổi:

Trong đó:

- Tổng số vốn đã góp:

- Vốn góp tối thiểu của một thành viên theo vốn điều lệ:

- Vốn góp tối đa của một thành viên theo vốn điều lệ:

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN CHI NHÁNH

1. Đăng ký thay đổi tên của chi nhánh sau:

2. Tên của chi nhánh sau khi thay đổi:

Tên chi nhánh viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (*nếu có*):

Tên chi nhánh viết tắt dự kiến thay đổi (*nếu có*):

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ CHI NHÁNH**1. Đăng ký thay đổi địa chỉ của chi nhánh sau:****2. Địa chỉ chi nhánh sau khi thay đổi:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Hợp tác xã cam kết trụ sở chi nhánh của hợp tác xã thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH

1. Đăng ký thay đổi người đại diện của chi nhánh sau:

2. Người đại diện chi nhánh sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn: .../...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**1. Đăng ký thay đổi tên của văn phòng đại diện sau:****2. Tên của văn phòng đại diện sau khi thay đổi:**Tên văn phòng đại diện viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):Tên văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (*nếu có*):Tên văn phòng đại diện viết tắt dự kiến thay đổi (*nếu có*):

.....

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**1. Đăng ký thay đổi địa chỉ của văn phòng đại diện sau:****2. Địa chỉ của văn phòng đại diện sau khi thay đổi:**

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Hợp tác xã cam kết trụ sở văn phòng đại diện của hợp tác xã thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

1. Đăng ký thay đổi người đại diện của văn phòng đại diện sau:

2. Người đại diện của văn phòng đại diện sau khi thay đổi:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn: .../...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

TÊN HỢP TÁC XÃ

Số:

Phụ lục I-8**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm
kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

**Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa
điểm kinh doanh¹ sau:**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa
điểm kinh doanh của hợp tác xã:Địa chỉ chi nhánh hợp tác xã/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của
hợp tác xã:Người đại diện chi nhánh hợp tác xã/văn phòng đại diện/địa điểm kinh
doanh của hợp tác xã:**CÁC NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI**

Nội dung đăng ký thay đổi	Đánh dấu
- Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	<input type="checkbox"/>
- Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	<input type="checkbox"/>
- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh/nội dung hoạt động	<input type="checkbox"/>
- Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh	<input type="checkbox"/>

¹ Hợp tác xã chọn và đánh dấu X vào nội dung dự định đăng ký thay đổi; lựa chọn và khai chi tiết nội dung đăng ký thay đổi vào các mẫu tương ứng từ trang I-8.2 đến trang I-8.5 theo yêu cầu của hợp tác xã.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI TÊN CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA
ĐIỂM KINH DOANH**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng Việt dự kiến thay đổi (*ghi bằng chữ in hoa*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài dự kiến thay đổi (*nếu có*):

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh viết tắt dự kiến thay đổi (*nếu có*):

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI ĐỊA CHỈ CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA
ĐIỂM KINH DOANH**

Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh dự định chuyển đến:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Hợp tác xã cam kết trụ sở chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh thuộc quyền sở hữu/quyền sử dụng hợp pháp của hợp tác xã và được sử dụng đúng mục đích theo quy định của pháp luật.

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGÀNH, NGHỀ SẢN XUẤT, KINH DOANH CỦA
CHI NHÁNH, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH/ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỦA
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN**

Ghi ngành, nghề kinh doanh dự kiến sau khi bổ sung hoặc thay đổi (đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam):

STT	Tên ngành	Mã ngành

Ghi nội dung hoạt động sau khi bổ sung hoặc thay đổi (đối với văn phòng đại diện):

**ĐĂNG KÝ THAY ĐỔI NGƯỜI ĐẠI DIỆN CHI NHÁNH/
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH**

Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh dự kiến:

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Chứng minh nhân dân số:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác (*nếu không có CMND*):

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Ngày hết hạn: .../...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Chỗ ở hiện tại:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác và trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

-.....

-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

TÊN HỢP TÁC XÃ

Số:

Phụ lục I-9**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY THÔNG BÁO**Thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã¹ như sau:

Nội dung thông báo thay đổi²	Đánh dấu
- Điều lệ	<input type="checkbox"/>
- Số lượng thành viên	<input type="checkbox"/>
- Thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên	<input type="checkbox"/>
- Ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của chi nhánh; nội dung hoạt động của văn phòng đại diện	<input type="checkbox"/>
- Tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất kinh doanh, người đại diện của địa điểm kinh doanh	<input type="checkbox"/>

¹ Trường hợp thay đổi điều lệ thì hợp tác xã gửi kèm theo bản điều lệ của hợp tác xã sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi số lượng thành viên thì hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên của hợp tác xã thì hợp tác xã gửi kèm theo bản danh sách thành viên hội đồng quản trị, ban kiểm soát/kiểm soát viên sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi ngành, nghề sản xuất, kinh doanh của chi nhánh, nội dung hoạt động của văn phòng đại diện thì hợp tác xã gửi kèm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện sau khi thay đổi.

Trường hợp thay đổi tên, địa chỉ, ngành, nghề sản xuất kinh doanh, người đại diện của địa điểm kinh doanh thì hợp tác xã gửi kèm bản sao Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh sau khi thay đổi.

² Hợp tác xã chọn và đánh dấu X vào ô tương ứng với nội dung cần thông báo.

Hợp tác xã xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy thông báo này và các tài liệu được gửi kèm theo.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

TÊN HỢP TÁC XÃ

Số:

Phụ lục I-10**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO**Về việc góp vốn/mua cổ phần/thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số, ngày Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Thông báo về việc góp vốn/mua cổ phần/thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã¹ như sau:

Nội dung thông báo	Đánh dấu
- Góp vốn	<input type="checkbox"/>
- Mua cổ phần	<input type="checkbox"/>
- Thành lập doanh nghiệp	<input type="checkbox"/>

¹ Hợp tác xã chọn và đánh dấu X vào nội dung dự định thông báo; lựa chọn và khai chi tiết nội dung thông báo vào các mẫu tương ứng từ trang I-10.2 đến trang I-10.4.

THÔNG BÁO VỀ VIỆC GÓP VỐN**1. Doanh nghiệp hợp tác xã góp vốn**

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Ngành nghề kinh doanh:

Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

2. Số vốn góp:

THÔNG BÁO VỀ VIỆC MUA CỔ PHẦN

1. Doanh nghiệp hợp tác xã mua cổ phần

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Ngành nghề kinh doanh:

Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

2. Giá trị số cổ phần mua:.....

THÔNG BÁO VỀ VIỆC THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP**1. Doanh nghiệp hợp tác xã thành lập**

Tên doanh nghiệp:

Địa chỉ:

Ngành nghề kinh doanh:

Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

2. Số vốn điều lệ:

Hợp tác xã cam kết:

- Việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp hoàn toàn đúng theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Luật hợp tác xã.

- Hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....
-.....
-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

TÊN HỢP TÁC XÃ

Số:

Phụ lục I-11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

Về việc tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã/tạm ngừng hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

1. Đối với hợp tác xã tạm ngừng hoạt động:

Thông báo tạm ngừng hoạt động từ ngàytháng năm cho đến ngày....tháng....năm.....

2. Đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh tạm ngừng hoạt động:

Thông báo tạm ngừng hoạt động từ ngày..... tháng năm cho đến ngày....tháng....năm.....đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*)

Số, ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Lý do tạm ngừng:

Hợp tác xã cam kết về tính chính xác, trung thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

.....

.....

.....

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục I-12**TÊN HỢP TÁC XÃ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO**VỀ VIỆC CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN/ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng kí hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Thông báo chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã sau:**1. Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):**

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký:

2. Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số nhà, đường phố/xóm/ấp/thôn:

Xã/Phường/Thị trấn:

Quận/Huyện/Thị xã/Thành phố thuộc tỉnh:

Tỉnh/Thành phố:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh, nội dung hoạt độnga) Ngành, nghề kinh doanh (*đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành

b) Nội dung hoạt động (*đối với văn phòng đại diện*):

4. Thông tin về người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh

Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:.....

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Hợp tác xã cam kết đã thanh toán hết các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác của chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....

-.....

-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

TÊN HỢP TÁC XÃ

Số:

Phụ lục I-13

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..... ngày..... tháng..... năm

THÔNG BÁO

VỀ VIỆC GIẢI THỂ HỢP TÁC XÃ

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Thông báo về việc giải thể hợp tác xã như sau:

Quyết định giải thể số:ngày / /

Lý do giải thể:

.....
.....

Hợp tác xã cam kết đã hoàn thành các khoản nợ, nghĩa vụ thuế, tài sản và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Thông báo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-
-
-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

TÊN HỢP TÁC XÃ

Số:

Phụ lục I-14

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Lý do đề nghị cấp lại:

.....

.....

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-

-

-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục I-15

TÊN HỢP TÁC XÃCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ**Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm
kinh doanh của hợp tác xã**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

**Đề nghị được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng
đại diện/địa điểm kinh doanh sau của hợp tác xã:**

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa
điểm kinh doanh:

Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Ngành, nghề kinh doanh (*đối với chi nhánh, địa điểm kinh doanh; ghi tên
và mã theo ngành cấp 4 trong Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam*):

STT	Tên ngành	Mã ngành

Nội dung hoạt động (*đối với văn phòng đại diện*):

Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Lý do đề nghị cấp lại:

.....

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-

-

-

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

TÊN HỢP TÁC XÃ

Số:

Phụ lục I-16
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký:.....

Địa chỉ trụ sở chính:

Đề nghị thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã với nội dung sau:

1. Cơ quan đăng ký hợp tác xã đã đăng ký

Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

2. Cơ quan đăng ký hợp tác xã dự định đăng ký

Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Lý do thay đổi:

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Các giấy tờ gửi kèm:

.....

.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

TÊN HỢP TÁC XÃ

Số:

Phụ lục I-17

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký:

Địa chỉ trụ sở chính:

Đề nghị được cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này.

Các giấy tờ gửi kèm:

.....

.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

TÊN HỢP TÁC XÃ

Số:

Phụ lục I-18**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày..... tháng..... năm

BÁO CÁO**Tình hình hoạt động của hợp tác xã năm**

Kính gửi: Tên cơ quan đăng ký hợp tác xã

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số, ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

**Báo cáo tình hình hoạt động của hợp tác xã năm
gồm những nội dung sau đây:****1. Thành viên và lao động****1.1. Đối với hợp tác xã**

Tên chi tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Thời điểm 31/12/20..
A	B		
1. Tổng số thành viên (01=03+04+05+06+07)	01	Thành viên	
<i>Trong đó:</i> Số thành viên sử dụng dịch vụ của HTX	02	Thành viên	
<i>Chia ra:</i>			
- Thành viên là cá nhân Việt Nam	03	Thành viên	
- Thành viên là cá nhân nước ngoài	04	Thành viên	
- Thành viên là hộ	05	Thành viên	
- Thành viên là pháp nhân	06	Thành viên	
- Thành viên khác (nếu có)	07	Thành viên	
2. Tổng số lao động	08	Người	
<i>Trong đó:</i> Số lao động là thành viên		Người	

1.2. Đối với liên hiệp hợp tác xã

Tên chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Thời điểm 31/12/20..
A	B		
1. Tổng số thành viên	01	Hợp tác xã	
<i>Trong đó: Số thành viên sử dụng dịch vụ của LH HTX</i>	02	Hợp tác xã	
2. Tổng số lao động	03	Người	

2. Sản phẩm, dịch vụ hợp tác xã cung ứng

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên sản phẩm, dịch vụ	Tổng doanh thu từ thành viên trong năm 20..	Tổng doanh thu từ thị trường trong năm 20..
1			
2			
3			
4			

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tên chỉ tiêu	Mã số	Thời điểm 31/12/20..
A	B	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (01=02+03)	01	
Chia ra: - Từ giao dịch với thành viên	02	
- Cho thị trường (nếu có)	03	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	04	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (05 = 01 - 04)	05	
4. Doanh thu hoạt động tài chính	06	
5. Các khoản thu nhập khác	07	
6. Tổng lợi nhuận trước thuế (08 = 09 + 10 + 11)	08	
6.1. Lợi nhuận sản xuất, kinh doanh	09	
6.2. Lợi nhuận hoạt động tài chính	10	
6.3. Lợi nhuận từ hoạt động khác	11	
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	12	
8. Lợi nhuận sau thuế (13 = 08 - 12)	13	
9. Trích lập các quỹ (14 = 15 + 16 + 17 + 18 + 19)	14	
- Quỹ Đầu tư phát triển	15	
- Quỹ Dự phòng tài chính	16	
- Quỹ Phúc lợi	17	

- Quỹ Khen thưởng	18	
- Quỹ khác	19	
10. Tổng lợi nhuận chia cho thành viên ($20 = 21 + 22 + 23$)	20	
10.1. Chia lãi cho thành viên theo mức độ sử dụng dịch vụ	21	
10.2. Chia lãi cho thành viên theo vốn góp	22	
10.3. Khác (ghi rõ):	23	
11. Thu nhập bình quân/tháng của 1 lao động làm việc thường xuyên	24	

4. Tài sản, vốn, hoạt động đầu tư của hợp tác xã

4.1. Tài sản của hợp tác xã

Đơn vị tính: triệu đồng

Tên chỉ tiêu		Mã số	Thời điểm 31/12/20..
A		B	
1. Tài sản không chia ($01=02+03+04+05$)		01	
<i>Trong đó:</i>	- Quyền sử dụng đất do Nhà nước giao đất, cho thuê đất	02	
	- Khoản được cấp, hỗ trợ không hoàn lại của nhà nước, khoản được tặng, cho theo thỏa thuận là tài sản không chia	03	
	- Phần trích lại từ quỹ đầu tư phát triển đưa vào tài sản không chia	04	
	- Vốn, tài sản khác do điều lệ quy định là tài sản không chia	05	
2. Tổng cộng tài sản ($06= 07+12$)		06	
2.1. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn		07	
<i>Trong đó:</i>	- Các khoản phải thu ($08 = 09 + 10 + 11$)	08	
<i>Chia ra:</i>	+ Phải thu của khách hàng	09	
	+ Phải thu của thành viên	10	
	+ Các khoản phải thu khác	11	
2.2. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn ($12 = 13+18$)		12	
2.2.1. Tài sản cố định (giá trị còn lại) ($13 = 14+ 15+ 16+ 17$)		13	
	- TSCĐ chuyển từ HTX, LH HTX cũ sang/chính quyền bàn giao	14	
	- TSCĐ do thành viên góp trực tiếp	15	
	- TSCĐ mua mới	16	
	- TSCĐ từ các nguồn khác	17	
2.2.2. Đầu tư dài hạn		18	
3. Tổng cộng nguồn vốn ($19=20+24$)		19	

3.1. Nợ phải trả (20=21+22+23)	20	
3.1.1. Vay của thành viên	21	
3.1.2. Vay các tổ chức tín dụng	22	
3.1.3. Vay khác và nợ phải trả khác	23	
3.2. Nguồn vốn chủ sở hữu	24	

4.2. Vốn của hợp tác xã

Tên chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Thời điểm 31/12/20..
A	B	C	
1. Tổng vốn điều lệ	01	Tr.đ	
2. Tổng số thành viên góp vốn điều lệ	02	Thành viên	
3. Mức góp vốn điều lệ tối thiểu quy định 1 thành viên	03	Tr.đ	
4. Mức góp vốn thấp nhất/thành viên	04	Tr.đ	
5. Mức góp vốn cao nhất/thành viên	05	Tr.đ	

4.3. Hoạt động đầu tư của hợp tác xã

Đơn vị tính: triệu đồng

Tên chỉ tiêu	Mã số	Thời điểm 31/12/20..
A	B	
1. Tổng số vốn góp vào doanh nghiệp	01	
2. Tổng giá trị cổ phần mua	02	
3. Tổng vốn điều lệ của doanh nghiệp trực thuộc	03	

Hợp tác xã cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực của nội dung báo cáo này.

Các giấy tờ gửi kèm:

-.....
-.....
-.....

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA HỢP TÁC XÃ**

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Số:
Mã hồ sơ:

....., ngày tháng năm

GIẤY BIÊN NHẬN

Cơ quan đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Ngày / / đã nhận của Ông/Bà

Giấy Chứng minh nhân dân (hoặc tên loại giấy tờ chứng thực cá nhân khác) số:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

là

01 bộ hồ sơ số về việc

Hồ sơ bao gồm:

1.

2.

3.

4.

Cơ quan đăng ký hợp tác xã hẹn Ông/Bà ngày / / liên hệ với Cơ quan đăng ký hợp tác xã để được giải quyết theo quy định của pháp luật.

NGƯỜI NỘP
(Ký và ghi họ tên)

NGƯỜI NHẬN
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-2

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về việc

Kính gửi: *(Tên hợp tác xã)*

Địa chỉ: *(Địa chỉ trụ sở chính)*

Cơ quan đăng ký hợp tác xã

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Sau khi xem xét hồ sơ số.....đã nhận ngàytháng..... năm.....

của Ông/Bà:

về việc:

Cơ quan đăng ký hợp tác xã.....

vì lý do như sau:

.....
.....

Xin thông báo để Ông/Bà được biết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-3

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Số:

Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:, ngày.....tháng.....năm.....

1. Tên hợp tác xãTên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt (*ghi bằng chữ in hoa*):Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (*nếu có*):Tên hợp tác xã viết tắt (*nếu có*):**2. Địa chỉ trụ sở chính:**

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành

4. Vốn điều lệ (bằng số; VND):**5. Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã**Họ và tên (*ghi bằng chữ in hoa*): Giới tính:

Chức danh:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp:/...../..... Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

6. Thông tin về chi nhánh

Tên chi nhánh:

Địa chỉ chi nhánh:

Người đại diện chi nhánh:

7. Thông tin về văn phòng đại diện

Tên văn phòng đại diện:

Địa chỉ văn phòng đại diện:

Người đại diện văn phòng đại diện:

8. Thông tin về địa điểm kinh doanh

Tên địa điểm kinh doanh:

Địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Người đại diện địa điểm kinh doanh:

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-4

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
CHI NHÁNH CỦA HỢP TÁC XÃ**

Số:

Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:ngày.....tháng.....năm.....

1. Tên chi nhánh (ghi bằng chữ in hoa):

Tên chi nhánh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên chi nhánh viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành

4. Thông tin về người đại diện

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:.....

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Hợp tác xã chủ quản

Tên hợp tác xã:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã :

Địa chỉ hợp tác xã:

Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-5

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN CỦA HỢP TÁC XÃ**

Số:

Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:ngày.....tháng.....năm.....

1. Tên văn phòng đại diện (ghi bằng chữ in hoa):

Tên văn phòng đại diện viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên văn phòng đại diện viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Nội dung hoạt động:**4. Thông tin về người đại diện**

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:.....

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Hợp tác xã chủ quản

Tên hợp tác xã:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã :

Địa chỉ hợp tác xã:

Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã:

Điện thoại: Fax:
Email: Website:

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-6

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ
ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ**

Số:

Đăng ký lần đầu, ngày.....tháng.....năm.....

Đăng ký thay đổi lần thứ:ngày.....tháng.....năm.....

1. Tên địa điểm kinh doanh (ghi bằng chữ in hoa):

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt (nếu có):

2. Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành

4. Thông tin về người đại diện

Họ và tên (ghi bằng chữ in hoa): Giới tính:

Sinh ngày:/...../..... Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:.....

Ngày cấp: / / Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

5. Hợp tác xã chủ quản

Tên hợp tác xã:

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã :

Địa chỉ hợp tác xã:

Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-7

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh của hợp tác xã

Cơ quan đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Xác nhận:

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh sau:

Tên chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Địa chỉ chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Người đại diện chi nhánh/văn phòng đại diện/địa điểm kinh doanh:

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ hợp tác xã;

-

- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(*Ký, ghi họ tên và đóng dấu*)

Phụ lục II-8

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc giải thể của hợp tác xã

Cơ quan đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Xác nhận về việc giải thể của hợp tác xã sau:

Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở chính:

Người đại diện theo pháp luật:

Có các đơn vị phụ thuộc:

Tên, địa chỉ chi nhánh:

Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:

Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ hợp tác xã;

-

- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG BÁO

Về việc hợp tác xã thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã

Kính gửi: *(Tên hợp tác xã)*

Địa chỉ: *(Địa chỉ trụ sở chính)*

Cơ quan đăng ký hợp tác xã:

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Căn cứ: Điều 56 Luật Hợp tác xã

Cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo nội dung vi phạm của hợp tác xã
như sau:

.....
.....

*Nội dung phần cuối của Thông báo vi phạm được ghi tương ứng với từng
loại vi phạm như sau:*

1. Đối với trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hợp tác xã thì ghi:

Cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo để hợp tác xã được biết và sẽ ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

*2. Đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 56 Luật
Hợp tác xã thì ghi:*

Cơ quan đăng ký hợp tác xã yêu cầu người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã đến trụ sở của cơ quan để giải trình trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày ký Thông báo này. Sau thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn hẹn trong Thông báo này mà người được yêu cầu không đến hoặc nội dung giải trình không phù hợp thì Cơ quan đăng ký hợp tác xã sẽ ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục thuế tỉnh/thành phố;
- Chi cục quản lý thị trường;
-
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-10

TÊN CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã****TRƯỞNG PHÒNG ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ**

Căn cứ Luật Hợp tác xã ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật hợp tác xã;

Căn cứ Thông báo số.....;

Căn cứ

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1:** Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã của hợp tác xã sau:Tên hợp tác xã (*ghi bằng chữ in hoa*):

Số Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã:.....

Do: Cấp ngày: / /

Địa chỉ trụ sở chính:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Do Ông/Bà: (*ghi họ tên bằng chữ in hoa*):

Sinh ngày: / / Dân tộc: Quốc tịch:

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân:

Số giấy chứng thực cá nhân:

Ngày cấp: / / Ngày hết hạn: / / Nơi cấp:

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Điện thoại: Fax:

Email: Website:

Là người đại diện theo pháp luật.

Có các đơn vị phụ thuộc:

Tên, địa chỉ chi nhánh:

Tên, địa chỉ văn phòng đại diện:

Tên, địa chỉ địa điểm kinh doanh:

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực từ ngày / /..... các Ông/Bà
vàcó trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Tên, địa chỉ hợp tác xã bị thu hồi GCNĐKHTX;
- Cục Thuế tỉnh, thành phố nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính;
- Chi cục quản lý thị trường tỉnh, thành phố nơi hợp tác xã đặt trụ sở chính;
-
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-11

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN...
PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO**Tình hình đăng ký hợp tác xã**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh...

		Tháng năm	Từ đầu năm đến hết tháng... năm...
1	Số lượng GCNĐK hợp tác xã đã cấp còn hiệu lực		
2	Số lượng GCNĐK chi nhánh của hợp tác xã đã cấp còn hiệu lực		
3	Số lượng GCNĐK văn phòng đại diện của hợp tác xã đã cấp còn hiệu lực		
4	Số lượng GCNĐK địa điểm kinh doanh của hợp tác xã đã cấp còn hiệu lực		
5	Cấp đăng ký thay đổi (số lượt)		
	- Tên hợp tác xã		
	- Địa chỉ trụ sở chính		
	- Ngành, nghề kinh doanh		
	- Vốn điều lệ		
	- Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã		
	- Tên chi nhánh		
	- Địa chỉ chi nhánh		
	- Người đại diện chi nhánh		
	- Tên văn phòng đại diện		
	- Địa chỉ văn phòng đại diện		
	- Người đại diện văn phòng đại diện		
6	Thu hồi Giấy CNĐK hợp tác xã		

7	Thu hồi Giấy CNĐK chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã		
8	Xóa tên		

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-12

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO**Tình hình đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

		Quý... năm...			Từ đầu năm đến hết quý... năm...		
		Liên hiệp hợp tác xã	Hợp tác xã	Tổng số 3=1+2	Liên hiệp hợp tác xã	Hợp tác xã	Tổng số 6=4+5
A	B	1	2	3	4	5	6
1	Số lượng GCNĐK HTX, LHHTX đã cấp còn hiệu lực						
2	Số lượng GCNĐK chi nhánh của HTX, LHHTX đã cấp còn hiệu lực						
3	Số lượng GCNĐK văn phòng đại diện của HTX, LHHTX đã cấp còn hiệu lực						
4	Số lượng GCNĐK địa điểm kinh doanh của HTX, LHHTX đã cấp còn hiệu lực						
5	Cấp đăng ký thay đổi (số lượt)						
	- Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
	- Địa chỉ trụ sở chính						
	- Ngành, nghề kinh doanh						
	- Vốn điều lệ						
	- Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
	- Tên chi nhánh của HTX, LHHTX						
	- Địa chỉ chi nhánh của HTX, LHHTX						

	- Người đại diện chi nhánh của HTX, LHHTX						
	- Tên văn phòng đại diện của HTX, LHHTX						
	- Địa chỉ văn phòng đại diện của HTX, LHHTX						
	- Người đại diện văn phòng đại diện của HTX, LHHTX						
6	Thu hồi Giấy CNĐK hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
7	Thu hồi Giấy CNĐK của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, LHHTX.						
8	Xóa tên						

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN...
PHÒNG TÀI CHÍNH – KẾ HOẠCH

Phụ lục II-13
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO**Tình hình hoạt động của hợp tác xã năm**

Kính gửi: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh...

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Năm
1	Tổng số hợp tác xã (01=02+03+04+05+06)	01	HTX	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp	02	HTX	
	- Hợp tác xã phi nông nghiệp	03	HTX	
	- Hợp tác xã tín dụng	04	HTX	
	- Hợp tác xã tạo việc làm	05	HTX	
	- Hợp tác xã khác	06	HTX	
2	Tổng số hợp tác xã thành lập mới	07	HTX	
3	Tổng số hợp tác xã giải thể	08	HTX	
4	Tổng số thành viên (09=10+11+12+13+14)	09	thành viên	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp	10	thành viên	
	- Hợp tác xã phi nông nghiệp	11	thành viên	
	- Hợp tác xã tín dụng	12	thành viên	
	- Hợp tác xã tạo việc làm	13	thành viên	
	- Hợp tác xã khác	14	thành viên	
5	Tổng số lao động	15	người	
	<i>Trong đó:</i> Số lao động là thành viên hợp tác xã	16	người	
6	Tổng vốn điều lệ	17	triệu đồng	
7	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	triệu đồng	
	<i>Trong đó:</i> Doanh thu từ giao dịch với thành viên	19	triệu đồng	
8	Tổng lợi nhuận sau thuế	20	triệu đồng	

9	Tổng lợi nhuận chia cho thành viên (21=22+23+24)	21	triệu đồng	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Chia lãi cho thành viên theo mức độ sử dụng dịch vụ	22	triệu đồng	
	- Chia lãi cho thành viên theo vốn góp	23	triệu đồng	
	- Khác	24	triệu đồng	
10	Thu nhập bình quân tháng của 1 lao động làm việc trong hợp tác xã	25	triệu đồng	

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG
(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)

Phụ lục II-14

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm.....

BÁO CÁO**Tình hình hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã năm ...**

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Đơn vị tính	Năm
	A. HỢP TÁC XÃ			
1	Tổng số hợp tác xã (01=02+03+04+05+06)	01	HTX	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp	02	HTX	
	- Hợp tác xã phi nông nghiệp	03	HTX	
	- Hợp tác xã tín dụng	04	HTX	
	- Hợp tác xã tạo việc làm	05	HTX	
	- Hợp tác xã khác	06	HTX	
2	Tổng số hợp tác xã thành lập mới	07	HTX	
3	Tổng số hợp tác xã giải thể	08	HTX	
4	Tổng số thành viên (09=10+11+12+13+14)	09	thành viên	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp	10	thành viên	
	- Hợp tác xã phi nông nghiệp	11	thành viên	
	- Hợp tác xã tín dụng	12	thành viên	
	- Hợp tác xã tạo việc làm	13	thành viên	
	- Hợp tác xã khác	14	thành viên	
5	Tổng số lao động	15	người	
	<i>Trong đó:</i> Số lao động là thành viên hợp tác xã	16	người	
6	Tổng vốn điều lệ	17	triệu đồng	
7	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	triệu đồng	
	<i>Trong đó:</i> Doanh thu từ giao dịch với thành viên	19	triệu đồng	

8	Tổng lợi nhuận sau thuế	20	triệu đồng	
9	Tổng lợi nhuận chia cho thành viên (21=22+23+24)	21	triệu đồng	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Chia lãi cho thành viên theo mức độ sử dụng dịch vụ	22	triệu đồng	
	- Chia lãi cho thành viên theo vốn góp	23	triệu đồng	
	- Khác	24	triệu đồng	
10	Thu nhập bình quân tháng của 1 lao động làm việc trong hợp tác xã	25	triệu đồng	
	B. LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ			
11	Tổng số liên hiệp hợp tác xã (26=27+28+29+30)	26	LHHTX	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp	27	LHHTX	
	- Liên hiệp hợp tác xã phi nông nghiệp	28	LHHTX	
	- Liên hiệp hợp tác xã tín dụng	29	LHHTX	
	- Liên hiệp hợp tác xã khác	30	LHHTX	
12	Tổng số liên hiệp hợp tác xã thành lập mới	31	LHHTX	
13	Tổng số liên hiệp hợp tác xã giải thể	32	LHHTX	
14	Tổng số thành viên (33=34+35+36+37)	33	thành viên	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp	34	thành viên	
	- Liên hiệp hợp tác xã phi nông nghiệp	35	thành viên	
	- Liên hiệp hợp tác xã tín dụng	36	thành viên	
	- Liên hiệp hợp tác xã khác	37	thành viên	
15	Tổng số lao động	38	người	
16	Tổng vốn điều lệ	39	triệu đồng	
17	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	40	triệu đồng	
	<i>Trong đó:</i> Doanh thu từ giao dịch với thành viên	41	triệu đồng	
18	Tổng lợi nhuận sau thuế	42	triệu đồng	
19	Tổng lợi nhuận chia cho thành viên (43=44+45+46)	43	triệu đồng	
	<i>Trong đó:</i>			
	- Chia lãi cho thành viên theo mức độ sử dụng dịch vụ	44	triệu đồng	
	- Chia lãi cho thành viên theo vốn góp	45	triệu đồng	
	- Khác	46	triệu đồng	

20	Thu nhập bình quân tháng của 1 lao động làm việc trong liên hiệp hợp tác xã	47	triệu đồng	
----	---	----	------------	--

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG*(Ký, ghi họ tên và đóng dấu)*

Phụ lục III-1

**DANH MỤC CHỮ CÁI SỬ DỤNG TRONG ĐẶT TÊN HỢP TÁC XÃ, CHI NHÁNH,
VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ**

Chữ in hoa	Chữ in thường	Chữ in hoa	Chữ in thường
A	a	N	n
Ă	ă	O	o
Â	â	Ơ	ơ
B	b	Ô	ô
C	c	P	p
D	d	Q	q
Đ	đ	R	r
E	e	S	s
Ê	ê	T	t
F	f	U	u
G	g	Ư	ư
H	h	V	v
I	i	W	w
J	j	X	x
K	k	Y	y
L	l	Z	z
M	m		

Phụ lục III-2

MÃ CẤP TỈNH, CẤP HUYỆN SỬ DỤNG TRONG ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
1	2	3	1	2	3
Thành phố Hà Nội (12 quận, 1 thị xã, 17 huyện)	01		Thành phố Hải Phòng (7 quận, 8 huyện)	02	
Quận Ba Đình	01	01	Quận Hồng Bàng	02	01
Quận Tây Hồ	01	02	Quận Ngô Quyền	02	02
Quận Hoàn Kiếm	01	03	Quận Lê Chân	02	03
Quận Hai Bà Trưng	01	04	Quận Kiến An	02	04
Quận Đống Đa	01	05	Quận Đồ Sơn	02	05
Quận Thanh Xuân	01	06	Huyện Thủy Nguyên	02	06
Quận Cầu Giấy	01	07	Huyện An Dương	02	07
Huyện Sóc Sơn	01	08	Huyện An Lão	02	08
Huyện Đông Anh	01	09	Huyện Kiến Thụy	02	09
Huyện Gia Lâm	01	10	Huyện Tiên Lãng	02	10
Quận Bắc Từ Liêm	01	11	Huyện Vĩnh Bảo	02	11
Huyện Thanh Trì	01	12	Huyện Cát Hải	02	12
Quận Hoàng Mai	01	13	Huyện Bạch Long Vĩ	02	13
Quận Long Biên	01	14	Quận Dương Kinh	02	14
Quận Hà Đông	01	15	Quận Hải An	02	15
Thị Xã Sơn Tây	01	16	Tỉnh Hải Dương	04	
Huyện Ba Vì	01	17	(1 thành phố, 1 thị xã, 10 huyện)		
Huyện Phúc Thọ	01	18	Thành phố Hải Dương	04	01
Huyện Đan Phượng	01	19	Thị xã Chí Linh	04	02
Huyện Thạch Thất	01	20	Huyện Nam Sách	04	03
Huyện Hoài Đức	01	21	Huyện Thanh Hà	04	04
Huyện Quốc Oai	01	22	Huyện Kinh Môn	04	05
Huyện Chương Mỹ	01	23	Huyện Kim Thành	04	06
Huyện Thanh Oai	01	24	Huyện Gia Lộc	04	07
Huyện Thường Tín	01	25	Huyện Tứ Kỳ	04	08
Huyện Mỹ Đức	01	26	Huyện Cẩm Giàng	04	09
Huyện Ứng Hòa	01	27	Huyện Bình Giang	04	10
Huyện Phú Xuyên	01	28	Huyện Thanh Miện	04	11
Huyện Mê Linh	01	29	Huyện Ninh Giang	04	12
Quận Nam Từ Liêm	01	30			

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
Tỉnh Hưng Yên (1 thành phố, 9 huyện)	05		Tỉnh Hà Nam (1 thành phố, 5 huyện)	06	
Thành phố Hưng Yên	05	01	Thành phố Phủ Lý	06	01
Huyện Văn Lâm	05	02	Huyện Duy Tiên	06	02
Huyện Mỹ Hào	05	03	Huyện Kim Bảng	06	03
Huyện Yên Mỹ	05	04	Huyện Lý Nhân	06	04
Huyện Văn Giang	05	05	Huyện Thanh Liêm	06	05
Huyện Khoái Châu	05	06	Huyện Bình Lục	06	06
Huyện Ân Thi	05	07			
Huyện Kim Động	05	08			
Huyện Phù Cừ	05	09			
Huyện Tiên Lữ	05	10			
Tỉnh Nam Định (1 thành phố, 9 huyện)	07		Tỉnh Thái Bình (1 thành phố, 7 huyện)	08	
Thành phố Nam Định	07	01	Thành phố Thái Bình	08	01
Huyện Vụ Bản	07	02	Huyện Quỳnh Phụ	08	02
Huyện Mỹ Lộc	07	03	Huyện Hưng Hà	08	03
Huyện Ý Yên	07	04	Huyện Thái Thụy	08	04
Huyện Nam Trực	07	05	Huyện Đông Hưng	08	05
Huyện Trực Ninh	07	06	Huyện Vũ Thư	08	06
Huyện Xuân Trường	07	07	Huyện Kiến Xương	08	07
Huyện Giao Thủy	07	08	Huyện Tiền Hải	08	08
Huyện Nghĩa Hưng	07	09			
Huyện Hải Hậu	07	10			
Tỉnh Ninh Bình (1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện)	09		Tỉnh Hà Giang (1 thành phố, 10 huyện)	10	
Thành phố Ninh Bình	09	01	Thành phố Hà Giang	10	01
Thị xã Tam Điệp	09	02	Huyện Đồng Văn	10	02
Huyện Nho Quan	09	03	Huyện Mèo Vạc	10	03
Huyện Gia Viễn	09	04	Huyện Yên Minh	10	04
Huyện Hoa Lư	09	05	Huyện Quản Bạ	10	05
Huyện Yên Mô	09	06	Huyện Bắc Mê	10	06
Huyện Yên Khánh	09	07	Huyện Hoàng Su Phì	10	07
Huyện Kim Sơn	09	08	Huyện Vị Xuyên	10	08
			Huyện Xín Mần	10	09
			Huyện Bắc Quang	10	10
			Huyện Quang Bình	10	11

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
Tỉnh Cao Bằng (1 thành phố, 12 huyện)	11		Tỉnh Lào Cai (1 thành phố, 8 huyện)	12	
Thành phố Cao Bằng	11	01	Thành phố Lào Cai	12	01
Huyện Bảo Lạc	11	02	Huyện Mường Khương	12	02
Huyện Bảo Lâm	11	03	Huyện Bát Xát	12	03
Huyện Hà Quảng	11	04	Huyện Si Ma Cai	12	04
Huyện Thông Nông	11	05	Huyện Bắc Hà	12	05
Huyện Trà Lĩnh	11	06	Huyện Bảo Thắng	12	06
Huyện Trùng Khánh	11	07	Huyện Sa Pa	12	07
Huyện Nguyên Bình	11	08	Huyện Bảo Yên	12	08
Huyện Hòa An	11	09	Huyện Văn Bàn	12	09
Huyện Quảng Uyên	11	10			
Huyện Hạ Lang	11	11			
Huyện Thạch An	11	12			
Huyện Phục Hòa	11	13			
Tỉnh Bắc Kạn (1 thị xã, 7 huyện)	13		Tỉnh Lạng Sơn (1 thành phố, 10 huyện)	14	
Thị xã Bắc Kạn	13	01	Thành phố Lạng Sơn	14	01
Huyện Ba Bè	13	02	Huyện Tràng Định	14	02
Huyện Ngân Sơn	13	03	Huyện Văn Lãng	14	03
Huyện Chợ Đồn	13	04	Huyện Bình Gia	14	04
Huyện Na Rì	13	05	Huyện Bắc Sơn	14	05
Huyện Bạch Thông	13	06	Huyện Văn Quan	14	06
Huyện Chợ Mới	13	07	Huyện Cao Lộc	14	07
Huyện Pắc Nặm	13	08	Huyện Lộc Bình	14	08
			Huyện Chi Lăng	14	09
			Huyện Đình Lập	14	10
			Huyện Hữu Lũng	14	11
Tỉnh Tuyên Quang (1 thành phố, 6 huyện)	15		Tỉnh Yên Bái (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)	16	
Thành phố Tuyên Quang	15	01	Thành phố Yên Bái	16	01
Huyện Nà Hang	15	02	Thị xã Nghĩa Lộ	16	02
Huyện Chiêm Hóa	15	03	Huyện Lục Yên	16	03
Huyện Hàm Yên	15	04	Huyện Văn Yên	16	04
Huyện Yên Sơn	15	05	Huyện Mù Cang Chải	16	05
Huyện Sơn Dương	15	06	Huyện Trấn Yên	16	06
Huyện Lâm Bình	15	07	Huyện Yên Bình	16	07
			Huyện Văn Chấn	16	08
			Huyện Trạm Tấu	16	09

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
Tỉnh Thái Nguyên (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)	17		Tỉnh Phú Thọ (1 thành phố, 1 thị xã, 11 huyện)	18	
Thành phố Thái Nguyên	17	01	Thành phố Việt Trì	18	01
Thị xã Sông Công	17	02	Thị xã Phú Thọ	18	02
Huyện Định Hóa	17	03	Huyện Đoan Hùng	18	03
Huyện Võ Nhai	17	04	Huyện Hạ Hòa	18	04
Huyện Phú Lương	17	05	Huyện Thanh Ba	18	05
Huyện Đồng Hỷ	17	06	Huyện Phù Ninh	18	06
Huyện Đại Từ	17	07	Huyện Lâm Thao	18	07
Huyện Phú Bình	17	08	Huyện Cẩm Khê	18	08
Huyện Phổ Yên	17	09	Huyện Yên Lập	18	09
			Huyện Tam Nông	18	10
			Huyện Thanh Thủy	18	11
			Huyện Thanh Sơn	18	12
			Huyện Tân Sơn	18	13
Tỉnh Vĩnh Phúc (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)	19		Tỉnh Bắc Giang (1 thành phố, 9 huyện)	20	
Thành phố Vĩnh Yên	19	01	Thành phố Bắc Giang	20	01
Huyện Lập Thạch	19	02	Huyện Yên Thế	20	02
Huyện Tam Dương	19	03	Huyện Tân Yên	20	03
Huyện Bình Xuyên	19	04	Huyện Lục Ngạn	20	04
Huyện Vĩnh Tường	19	05	Huyện Hiệp Hòa	20	05
Huyện Yên Lạc	19	06	Huyện Lạng Giang	20	06
Thị xã Phúc Yên	19	07	Huyện Sơn Động	20	07
Huyện Tam Đảo	19	08	Huyện Lục Nam	20	08
Huyện Sông Lô	19	09	Huyện Việt Yên	20	09
			Huyện Yên Dũng	20	10
Tỉnh Bắc Ninh (1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện)	21		Tỉnh Quảng Ninh (4 thành phố, 10 huyện)	22	
Thành phố Bắc Ninh	21	01	Thành phố Hạ Long	22	01
Huyện Yên Phong	21	02	Thành phố Cẩm Phả	22	02
Huyện Quế Võ	21	03	Thành phố Uông Bí	22	03
Huyện Tiên Du	21	04	Thành phố Móng Cái	22	04
Thị xã Từ Sơn	21	05	Huyện Bình Liêu	22	05
Huyện Thuận Thành	21	06	Huyện Hải Hà	22	06
Huyện Lương Tài	21	07	Huyện Đầm Hà	22	07
Huyện Gia Bình	21	08	Huyện Tiên Yên	22	08
			Huyện Ba Chẽ	22	09
			Huyện Vân Đồn	22	10
			Huyện Hoành Bồ	22	11
			Huyện Đông Triều	22	12
			Huyện Cô Tô	22	13
			Huyện Yên Hưng	22	14

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
Tỉnh Lai Châu (1 thị xã, 6 huyện)	23		Tỉnh Sơn La (1 thành phố, 10 huyện)	24	
Huyện Tam Đường	23	01	Thành phố Sơn La	24	01
Huyện Phong Thổ	23	02	Huyện Quỳnh Nhai	24	02
Huyện Mường Tè	23	03	Huyện Mường La	24	03
Huyện Sìn Hồ	23	04	Huyện Thuận Châu	24	04
Huyện Than Uyên	23	05	Huyện Bắc Yên	24	05
Thị xã Lai Châu	23	06	Huyện Phù Yên	24	06
Huyện Tân Uyên	23	07	Huyện Mai Sơn	24	07
			Huyện Sông Mã	24	08
			Huyện Yên Châu	24	09
			Huyện Mộc Châu	24	10
			Huyện Sốp Cộp	24	11
Tỉnh Hòa Bình (1 thành phố, 10 huyện)	25		Tỉnh Thanh Hóa (1 thành phố, 2 thị xã, 24 huyện)	26	
Thành phố Hòa Bình	25	01	Thành phố Thanh Hóa	26	01
Huyện Đà Bắc	25	02	Thị xã Bỉm Sơn	26	02
Huyện Mai Châu	25	03	Thị xã Sầm Sơn	26	03
Huyện Kỳ Sơn	25	04	Huyện Mường Lát	26	04
Huyện Lương Sơn	25	05	Huyện Quan Hóa	26	05
Huyện Kim Bôi	25	06	Huyện Quan Sơn	26	06
Huyện Tân Lạc	25	07	Huyện Bá Thước	26	07
Huyện Lạc Sơn	25	08	Huyện Cẩm Thủy	26	08
Huyện Lạc Thủy	25	09	Huyện Lang Chánh	26	09
Huyện Yên Thủy	25	10	Huyện Thạch Thành	26	10
Huyện Cao Phong	25	11	Huyện Ngọc Lạc	26	11
			Huyện Thường Xuân	26	12
			Huyện Như Xuân	26	13
			Huyện Như Thanh	26	14
			Huyện Vĩnh Lộc	26	15
			Huyện Hà Trung	26	16
			Huyện Nga Sơn	26	17
			Huyện Yên Định	26	18
			Huyện Thọ Xuân	26	19
			Huyện Hậu Lộc	26	20
			Huyện Thiệu Hóa	26	21
			Huyện Hoằng Hóa	26	22
			Huyện Đông Sơn	26	23
			Huyện Triệu Sơn	26	24
			Huyện Quảng Xương	26	25
			Huyện Nông Cống	26	26
			Huyện Tĩnh Gia	26	27

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
Tỉnh Nghệ An (1 thành phố, 2 thị xã, 17 huyện)	27		Tỉnh Hà Tĩnh (1 thành phố, 1 thị xã, 10 huyện)	28	
Thành phố Vinh	27	01	Thành phố Hà Tĩnh	28	01
Thị xã Cửa Lò	27	02	Thị xã Hồng Lĩnh	28	02
Huyện Quế Phong	27	03	Huyện Nghi Xuân	28	03
Huyện Quỳnh Châu	27	04	Huyện Đức Thọ	28	04
Huyện Kỳ Sơn	27	05	Huyện Hương Sơn	28	05
Huyện Quỳnh Hợp	27	06	Huyện Vũ Quang	28	06
Huyện Nghĩa Đàn	27	07	Huyện Can Lộc	28	07
Huyện Tương Dương	27	08	Huyện Thạch Hà	28	08
Huyện Quỳnh Lưu	27	09	Huyện Cẩm Xuyên	28	09
Huyện Tân Kỳ	27	10	Huyện Hương Khê	28	10
Huyện Con Cuông	27	11	Huyện Kỳ Anh	28	11
Huyện Yên Thành	27	12	Huyện Lộc Hà	28	12
Huyện Diễn Châu	27	13			
Huyện An Sơn	27	14			
Huyện Đô Lương	27	15			
Huyện Thanh Chương	27	16			
Huyện Nghi Lộc	27	17			
Huyện Nam Đàn	27	18			
Huyện Hưng Nguyên	27	19			
Thị xã Thái Hòa	27	20			
Tỉnh Quảng Bình (1 thành phố, 6 huyện)	29		Tỉnh Quảng Trị (1 thành phố, 1 thị xã, 8 huyện)	30	
Thành phố Đồng Hới	29	01	Thành phố Đông Hà	30	01
Huyện Tuyên Hóa	29	02	Thị xã Quảng Trị	30	02
Huyện Minh Hóa	29	03	Huyện Vĩnh Linh	30	03
Huyện Quảng Trạch	29	04	Huyện Gio Linh	30	04
Huyện Bố Trạch	29	05	Huyện Cam Lộ	30	05
Huyện Quảng Ninh	29	06	Huyện Triệu Phong	30	06
Huyện Lệ Thủy	29	07	Huyện Hải Lăng	30	07
			Huyện Hướng Hóa	30	08
			Huyện Đa Krông	30	09
			Huyện đảo Cồn Cỏ	30	10

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
Tỉnh Thừa Thiên - Huế (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)	31		Thành phố Đà Nẵng (6 quận, 2 huyện)	32	
Thành phố Huế	31	01	Quận Hải Châu	32	01
Huyện Phong Điền	31	02	Quận Thanh Khê	32	02
Huyện Quảng Điền	31	03	Quận Sơn Trà	32	03
Huyện Hương Trà	31	04	Quận Ngũ Hành Sơn	32	04
Huyện Phú Vang	31	05	Quận Liên Chiểu	32	05
Huyện Hương Thủy	31	06	Huyện Hòa Vang	32	06
Huyện Phú Lộc	31	07	Huyện đảo Hoàng Sa	32	07
Huyện A Lưới	31	08	Quận Cẩm Lệ	32	08
Huyện Nam Đông	31	09			
Tỉnh Quảng Nam (2 thành phố, 16 huyện)	33		Tỉnh Quảng Ngãi (1 thành phố, 13 huyện)	34	
Thành phố Tam Kỳ	33	01	Thành phố Quảng Ngãi	34	01
Thành phố Hội An	33	02	Huyện Lý Sơn	34	02
Huyện Đông Giang	33	03	Huyện Bình Sơn	34	03
Huyện Đại Lộc	33	04	Huyện Trà Bồng	34	04
Huyện Điện Bàn	33	05	Huyện Sơn Tịnh	34	05
Huyện Duy Xuyên	33	06	Huyện Sơn Tây	34	06
Huyện Nam Giang	33	07	Huyện Sơn Hà	34	07
Huyện Thăng Bình	33	08	Huyện Tư Nghĩa	34	08
Huyện Quế Sơn	33	09	Huyện Nghĩa Hành	34	09
Huyện Hiệp Đức	33	10	Huyện Minh Long	34	10
Huyện Tiên Phước	33	11	Huyện Mộ Đức	34	11
Huyện Phước Sơn	33	12	Huyện Đức Phổ	34	12
Huyện Núi Thành	33	13	Huyện Ba Tơ	34	13
Huyện Bắc Trà My	33	14	Huyện Tây Trà	34	14
Huyện Tây Giang	33	15			
Huyện Nam Trà My	33	16			
Huyện Phú Ninh	33	17			
Huyện Nông Sơn	33	18			
Tỉnh Bình Định (1 thành phố, 10 huyện)	35		Tỉnh Phú Yên (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)	36	
Thành phố Quy Nhơn	35	01	Thành phố Tuy Hòa	36	01
Huyện An Lão	35	02	Huyện Đồng Xuân	36	02
Huyện Hoài Nhơn	35	03	Thị xã Sông Cầu	36	03
Huyện Hoài Ân	35	04	Huyện Tuy An	36	04
Huyện Phù Mỹ	35	05	Huyện Sơn Hòa	36	05
Huyện Vĩnh Thạnh	35	06	Huyện Tây Hòa	36	06
Huyện Phù Cát	35	07	Huyện Sông Hinh	36	07
Huyện Tây Sơn	35	08	Huyện Phú Hòa	36	08
Huyện An Nhơn	35	09	Huyện Đông Hòa	36	09
Huyện Tuy Phước	35	10			
Huyện Vân Canh	35	11			

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
Tỉnh Khánh Hòa (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)	37		Tỉnh Kon Tum (1 thành phố, 8 huyện)	38	
Thành phố Nha Trang	37	01	Thành phố Kon Tum	38	01
Thị xã Cam Ranh	37	02	Huyện Đắk Glei	38	02
Huyện Vạn Ninh	37	03	Huyện Ngọc Hồi	38	03
Huyện Ninh Hòa	37	04	Huyện Đắk Tô	38	04
Huyện Diên Khánh	37	05	Huyện Kon Plông	38	05
Huyện Khánh Vĩnh	37	06	Huyện Đắk Hà	38	06
Huyện Khánh Sơn	37	07	Huyện Sa Thầy	38	07
Huyện Trường Sa	37	08	Huyện Kon Rẫy	38	08
Huyện Cam Lâm	37	09	Huyện Tu Mơ Rông	38	09
Tỉnh Gia Lai (1 thành phố, 2 thị xã, 14 huyện)	39		Tỉnh Đắk Lắk (1 thành phố, 1 thị xã, 13 huyện)	40	
Thành phố Pleiku	39	01	Thành phố Buôn Ma Thuột	40	01
Huyện Kbang	39	02	Huyện Ea H'leo	40	02
Huyện ĐắkĐoa	39	03	Huyện Ea Súp	40	03
Huyện Mang Yang	39	04	Huyện Krông Năng	40	04
Huyện ChưPăh	39	05	Huyện Krông Búk	40	05
Huyện IaGrai	39	06	Huyện Buôn Đôn	40	06
Thị xã An Khê	39	07	Huyện Cư M'gar	40	07
Huyện KôngChro	39	08	Huyện Ea Kar	40	08
Huyện Đức Cơ	39	09	Huyện M'Drăk	40	09
Huyện ChưPrông	39	10	Huyện Krông Păk	40	10
Huyện Chư Sê	39	11	Huyện Krông A Na	40	11
Thị xã AyunPa	39	12	Huyện Krông Bông	40	12
Huyện KrôngPa	39	13	Huyện Cư Kuin	40	13
Huyện IaPa	39	14	Thị xã Buôn Hồ	40	14
Huyện ĐắkPơ	39	15	Huyện Lắk	40	15
Huyện Phú Thiện	39	16			
Huyện ChưPưh	39	17			

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
TP Hồ Chí Minh (19 quận, 5 huyện)	41		Tỉnh Lâm Đồng (2 thành phố, 10 huyện)	42	
Quận 1	41	01	Thành phố Đà Lạt	42	01
Quận 2	41	02	Thành phố Bảo Lộc	42	02
Quận 3	41	03	Huyện Lạc Dương	42	03
Quận 4	41	04	Huyện Đơn Dương	42	04
Quận 5	41	05	Huyện Đức Trọng	42	05
Quận 6	41	06	Huyện Lâm Hà	42	06
Quận 7	41	07	Huyện Bảo Lâm	42	07
Quận 8	41	08	Huyện Di Linh	42	08
Quận 9	41	09	Huyện Đạ Huai	42	09
Quận 10	41	10	Huyện Đạ Tẻh	42	10
Quận 11	41	11	Huyện Cát Tiên	42	11
Quận 12	41	12	Huyện Đam Rông	42	12
Quận Gò Vấp	41	13			
Quận Tân Bình	41	14			
Quận Bình Thạnh	41	15			
Quận Phú Nhuận	41	16			
Quận Thủ Đức	41	17			
Huyện Củ Chi	41	18			
Huyện Hóc Môn	41	19			
Huyện Bình Chánh	41	20			
Huyện Nhà Bè	41	21			
Huyện Cần Giờ	41	22			
Quận Bình Tân	41	23			
Quận Tân Phú	41	24			
Tỉnh Ninh Thuận (1 thị xã, 6 huyện)	43		Tỉnh Bình Phước (3 thị xã, 7 huyện)	44	
Thị xã Phan Rang – Tháp Chàm	43	01	Thị xã Đồng Xoài	44	01
Huyện Ninh Sơn	43	02	Huyện Đồng Phú	44	02
Huyện Bác Ái	43	03	Huyện Bù Gia Mập	44	03
Huyện Ninh Hải	43	04	Huyện Lộc Ninh	44	04
Huyện Ninh Phước	43	05	Huyện Bù Đăng	44	05
Huyện Thuận Bắc	43	06	Huyện Hớn Quản	44	06
Huyện Thuận Nam	43	07	Thị xã Phước Long	44	07
			Huyện Chơn Thành	44	08
			Thị xã Bình Long	44	09
			Huyện Bù Đốp	44	10

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
Tỉnh Tây Ninh (1 thị xã, 8 huyện)	45		Tỉnh Bình Dương (1 thành phố, 1 thị xã, 5 huyện)	46	
Thị xã Tây Ninh	45	01	Thành phố Thủ Dầu Một	46	01
Huyện Tân Biên	45	02	Huyện Dầu Tiếng	46	02
Huyện Tân Châu	45	03	Huyện Bến Cát	46	03
Huyện Dương Minh Châu	45	04	Huyện Phú Giáo	46	04
Huyện Châu Thành	45	05	Huyện Tân Uyên	46	05
Huyện Hòa Thành	45	06	Huyện Thuận An	46	06
Huyện Bến Cầu	45	07	Thị xã Dĩ An	46	07
Huyện Gò Dầu	45	08			
Huyện Trảng Bàng	45	09			
Tỉnh Đồng Nai (1 thành phố, 1 thị xã, 9 huyện)	47		Tỉnh Bình Thuận (1 thành phố, 1 thị xã, 8 huyện)	48	
Thành phố Biên Hòa	47	01	Thành phố Phan Thiết	48	01
Huyện Tân Phú	47	02	Huyện Tuy Phong	48	02
Huyện Định Quán	47	03	Huyện Bắc Bình	48	03
Huyện Vĩnh Cửu	47	04	Huyện Hàm Thuận Bắc	48	04
Huyện Thống Nhất	47	05	Huyện Hàm Thuận Nam	48	05
Thị xã Long Khánh	47	06	Huyện Tánh Linh	48	06
Huyện Xuân Lộc	47	07	Huyện Hàm Tân	48	07
Huyện Long Thành	47	08	Huyện Đức Linh	48	08
Huyện Nhơn Trạch	47	09	Huyện Phú Quý	48	09
Huyện Trảng Bom	47	10	Thị xã La-gi	48	10
Huyện Cẩm Mỹ	47	11			
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (2 thành phố, 6 huyện)	49		Tỉnh Long An (1 thành phố, 13 huyện)	50	
Thành phố Vũng Tàu	49	01	Thành phố Tân An	50	01
Thành phố Bà Rịa	49	02	Huyện Tân Hưng	50	02
Huyện Châu Đức	49	03	Huyện Vĩnh Hưng	50	03
Huyện Xuyên Mộc	49	04	Huyện Mộc Hóa	50	04
Huyện Tân Thành	49	05	Huyện Tân Thạnh	50	05
Huyện Long Điền	49	06	Huyện Thạnh Hóa	50	06
Huyện Côn Đảo	49	07	Huyện Đức Huệ	50	07
Huyện Đất Đỏ	49	08	Huyện Đức Hòa	50	08
			Huyện Bến Lức	50	09
			Huyện Thủ Thừa	50	10
			Huyện Châu Thành	50	11
			Huyện Tân Trụ	50	12
			Huyện Cần Đước	50	13
			Huyện Cần Giuộc	50	14

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
Tỉnh Đồng Tháp (1 thành phố 2 thị xã, 9 huyện)	51		Tỉnh An Giang (1 thành phố, 2 thị xã, 8 huyện)	52	
Thành phố Cao Lãnh	51	01	Thành phố Long Xuyên	52	01
Thị xã Sa Đéc	51	02	Thị xã Châu Đốc	52	02
Huyện Tân Hồng	51	03	Huyện An Phú	52	03
Huyện Hồng Ngự	51	04	Thị xã Tân Châu	52	04
Huyện Tam Nông	51	05	Huyện Phú Tân	52	05
Huyện Thanh Bình	51	06	Huyện Châu Phú	52	06
Huyện Tháp Mười	51	07	Huyện Tịnh Biên	52	07
Huyện Cao Lãnh	51	08	Huyện Tri Tôn	52	08
Huyện Lấp Vò	51	09	Huyện Chợ Mới	52	09
Huyện Lai Vung	51	10	Huyện Châu Thành	52	10
Huyện Châu Thành	51	11	Huyện Thoại Sơn	52	11
Thị xã Hồng Ngự	51	12			
Tỉnh Tiền Giang (1 thành phố, 1 thị xã, 8 huyện)	53		Tỉnh Vĩnh Long (1 thành phố, 1 thị xã, 6 huyện)	54	
Thành phố Mỹ Tho	53	01	Thành phố Vĩnh Long	54	01
Thị xã Gò Công	53	02	Huyện Long Hồ	54	02
Huyện Tân Phước	53	03	Huyện Mang Thít	54	03
Huyện Châu Thành	53	04	Thị xã Bình Minh	54	04
Huyện Cai Lậy	53	05	Huyện Tam Bình	54	05
Huyện Chợ Gạo	53	06	Huyện Trà Ôn	54	06
Huyện Cái Bè	53	07	Huyện Vũng Liêm	54	07
Huyện Gò Công Tây	53	08	Huyện Bình Tân	54	08
Huyện Gò Công Đông	53	09			
Huyện Tân Phú Đông	53	10			

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
Tỉnh Bến Tre (1 thành phố, 8 huyện)	55		Tỉnh Kiên Giang (1 thành phố, 1 thị xã, 13 huyện)	56	
Thành phố Bến Tre	55	01	Thành phố Rạch Giá	56	01
Huyện Châu Thành	55	02	Thị xã Hà Tiên	56	02
Huyện Chợ Lách	55	03	Huyện Kiên Lương	56	03
Huyện Mỏ Cày Bắc	55	04	Huyện Hòn Đất	56	04
Huyện Giồng Trôm	55	05	Huyện Tân Hiệp	56	05
Huyện Bình Đại	55	06	Huyện Châu Thành	56	06
Huyện Ba Tri	55	07	Huyện Giồng Giềng	56	07
Huyện Thạnh Phú	55	08	Huyện Gò Quao	56	08
Huyện Mỏ Cày Nam	55	09	Huyện An Biên	56	09
			Huyện An Minh	56	10
			Huyện Vĩnh Thuận	56	11
			Huyện Phú Quốc	56	12
			Huyện Kiên Hải	56	13
			Huyện U Minh Thượng	56	14
			Huyện Giang Thành	56	15
Thành phố Cần Thơ (5 quận, 4 huyện)	57		Tỉnh Trà Vinh (1 thành phố, 7 huyện)	58	
Quận Ninh Kiều	57	01	Thành phố Trà Vinh	58	01
Quận Bình Thủy	57	02	Huyện Càng Long	58	02
Quận Cái Răng	57	03	Huyện Châu Thành	58	03
Quận Ô Môn	57	04	Huyện Cầu Kè	58	04
Quận Thốt Nốt	57	05	Huyện Tiểu Cần	58	05
Huyện Cờ Đỏ	57	06	Huyện Cầu Ngang	58	06
Huyện Vĩnh Thạnh	57	07	Huyện Trà Cú	58	07
Huyện Phong Điền	57	08	Huyện Duyên Hải	58	08
Huyện Thới Lai	57	09			
Tỉnh Sóc Trăng (1 thành phố, 10 huyện)	59		Tỉnh Bạc Liêu (1 thành phố, 6 huyện)	60	
Thành phố Sóc Trăng	59	01	Thành phố Bạc Liêu	60	01
Huyện Kế Sách	59	02	Huyện Phước Long	60	02
Huyện Long Phú	59	03	Huyện Hồng Dân	60	03
Huyện Mỹ Tú	59	04	Huyện Vĩnh Lợi	60	04
Huyện Mỹ Xuyên	59	05	Huyện Giá Rai	60	05
Huyện Thạnh Trị	59	06	Huyện Đông Hải	60	06
Huyện Vĩnh Châu	59	07	Huyện Hòa Bình	60	07
Huyện Cù Lao Dung	59	08			
Huyện Ngã Năm	59	09			
Huyện Châu Thành	59	10			
Huyện Trần Đề	59	11			

Đơn vị hành chính	Mã		Đơn vị hành chính	Mã	
	Số	Số		Số	Số
Tỉnh Cà Mau (1 thành phố, 8 huyện)	61		Tỉnh Điện Biên (1 thành phố, 1 thị xã, 7 huyện)	62	
Thành phố Cà Mau	61	01	Thành phố Điện Biên Phủ	62	01
Huyện Thới Bình	61	02	Thị xã Mường Lay	62	02
Huyện U Minh	61	03	Huyện Mường Nhé	62	03
Huyện Trần Văn Thời	61	04	Huyện Tủa Chùa	62	04
Huyện Cái Nước	61	05	Huyện Tuần Giáo	62	05
Huyện Đầm Dơi	61	06	Huyện Điện Biên	62	06
Huyện Ngọc Hiển	61	07	Huyện Điện Biên Đông	62	07
Huyện Năm Căn	61	08	Huyện Mường Chà	62	08
Huyện Phú Tân	61	09	Huyện Mường Ảng	62	09
Tỉnh Đắk Nông (1 thị xã, 7 huyện)	63		Tỉnh Hậu Giang (1 thành phố, 1 thị xã, 5 huyện)	64	
Huyện Cư Jút	63	01	Thành phố Vị Thanh	64	01
Huyện Đắk Mil	63	02	Huyện Vị Thù	64	02
Huyện Đắk Song	63	03	Huyện Long Mỹ	64	03
Huyện Đắk GLong	63	04	Huyện Châu Thành A	64	04
Huyện Đắk RLấp	63	05	Huyện Châu Thành	64	05
Huyện Krông Nô	63	06	Huyện Phụng Hiệp	64	06
Thị xã Gia Nghĩa	63	07	Thị xã Ngã Bảy	64	07
Huyện Tuy Đức	63	08			

Phụ lục III-3

**MẪU BÌA GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ, GIẤY
CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA
ĐIỂM KINH DOANH CỦA HỢP TÁC XÃ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐĂNG KÝ CHI NHÁNH
HỢP TÁC XÃ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

**ĐĂNG KÝ VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
HỢP TÁC XÃ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

**ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH
HỢP TÁC XÃ**

Phụ lục III-4

PHÔNG (FONT) CHỮ, CỖ CHỮ, KIỂU CHỮ SỬ DỤNG TRONG CÁC MẪU GIẤY

TT	Thành phần thể thức	Phông (font) chữ	Cỡ chữ	Kiểu chữ	Ví dụ
1	Quốc hiệu	Times New Roman Times New Roman	13 13	Đậm và in hoa Đậm và in thường	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
2	Tên cơ quan cấp	Times New Roman Times New Roman	13 13	Thường và in hoa Đậm và in hoa	SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
3	Tên Giấy chứng nhận	Times New Roman	14	Đậm và in hoa	GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỢP TÁC XÃ
4	Các nội dung ghi sẵn trên mẫu	Times New Roman	14	Thường	Tên hợp tác xã viết bằng tiếng Việt: Tên hợp tác xã viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): ...
5	Các nội dung của từng hợp tác xã	Times New Roman Times New Roman	14 14	Đậm và in hoa Thường	HỢP TÁC XÃ XÂY DỰNG TIẾN THÀNH Địa chỉ trụ sở chính: Số 195b, phố Đội Cấn, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
		Times New Roman	14	In hoa	Họ và tên: NGUYỄN VĂN A
6	Thành viên hợp tác xã	Times New Roman	14	In hoa	NGUYỄN VĂN A
7	Chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Times New Roman	14	In hoa	CHI NHÁNH HỢP TÁC XÃ THƯỜNG MẠI HUY HOÀNG TÀI NGHỆ AN
8	Thẻ thức đề ký	Times New Roman	14	Thường	Số 2, đường Trần Phú, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
9	Họ tên người ký	Times New Roman	13	Đậm và in hoa	TRƯỜNG PHÒNG Nguyễn Thủy Linh
10	Ngày cấp	Times New Roman	14	Thường và in nghiêng	<i>Đăng ký lần đầu, ngày ... tháng ... năm</i> <i>Đăng ký thay đổi lần thứ: ngày ... tháng ... năm</i>